

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
				10%				30%	60%	100%		
1	1813719003	Lê Thành An	N18DLK5	1	5			5.0	0.0	0.0	Không	HP
2	1813719001	Bùi Quý An	N18DLK5	4	6			6.0	8.0	7.0	Bảy	
3	1812719006	Ngô Thị Quỳnh Anh	N18DLK5	10	7			7.0	10.0	9.1	Chín phẩy Một	
4	1813719011	Đào Duy Anh	N18DLK5	1	6			6.0	5.0	4.9	Bốn phẩy Chín	
5	1813719021	Nguyễn Hữu Châu	N18DLK5	7	7			7.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
6	1812719023	Võ Quế Chi	N18DLK5	7	7			7.0	5.0	5.8	Năm phẩy Tám	
7	1813719025	Lê Văn Chiến	N18DLK5	4	5			5.0	8.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
8	1813719051	Lê Đình Đầu	N18DLK5	4	6			6.0	0.0	0.0	Không	HP
9	1812719063	Huỳnh Thị Kim Hà	N18DLK5	1	5			5.0	5.0	4.6	Bốn phẩy Sáu	
10	1813719070	Đinh Văn Hậu	N18DLK5	1	5			5.0	0.0	0.0	Không	HP
11	1813719075	Trương Thanh Hiền	N18DLK5	1	5			5.0	0.0	0.0	Không	HP
12	1813719626	Nguyễn Đình Hiệp	N18DLK5	7	6			6.0	0.0	0.0	Không	HP
13	1813719078	Trương Hoàng Hiếu	N18DLK5	1	5			5.0	0.0	0.0	Không	HP
14	1813719089	Trần Thiên Hoàng	N18DLK5	7	6			6.0	7.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
15	1813719097	Phạm Lê Duy Hưng	N18DLK5	4	5			5.0	6.0	5.5	Năm phẩy Năm	
16	1812719100	Trần Thị Minh Hương	N18DLK5	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
17	1812719117	Nguyễn Thị Lan	N18DLK5	10	7			7.0	8.0	7.9	Bảy phẩy Chín	
18	1812719120	Trần Huỳnh Kim Linh	N18DLK5	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
19	1813719128	Nguyễn Hoàng Long	N18DLK5	1	8			8.0	0.0	0.0	Không	HP
20	1813719143	Ngô Tuấn Mỹ	N18DLK5	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi,
21	1813719153	Vũ Hoàng Nguyên	N18DLK5	4	10			10.0	7.0	7.6	Bảy phẩy Sáu	
22	1812719156	Hoàng Thị Nguyệt	N18DLK5	7	5			5.0	7.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
23	1813719175	Đỗ Văn Nhựt	N18DLK5	4	7			7.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
24	1813719189	Trần Phi Phụng	N18DLK5	4	6			6.0	6.0	5.8	Năm phẩy Tám	
25	1812719244	Đỗ Nguyễn Hoài Thu	N18DLK5	1	5			5.0	8.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
26	1812719255	Nguyễn Thị Thu Thủy	N18DLK5	10	6			6.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
27	1813719264	Nguyễn Thành Tín	N18DLK5	1	5			5.0	8.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
28	1813119457	Nguyễn Văn Tịnh	N18DLK5	4	8			8.0	7.0	7.0	Bảy	
29	1813719278	Huỳnh Ngọc Trí	N18DLK5	4	5			5.0	5.0	4.9	Bốn phẩy Chín	
30	1813719280	Lý Thế Triều	N18DLK5	4	6			6.0	7.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
31	1813719285	Tạ Thanh Trung	N18DLK5	7	6			6.0	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
32	1813719286	Nguyễn Thành Trung	N18DLK5	4	7			7.0	0.0	0.0	Không	HP
33	1813719290	Nguyễn Ngọc Tú	N18DLK5	4	5			5.0	8.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
34	1813719292	Phan Thành Tuấn	N18DLK5	1	6			6.0	5.0	4.9	Bốn phẩy Chín	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần				ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ					SỐ	CHỮ	
35	1812719299	Hồ Lê Thị Thảo Uyên	N18DLK5	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
36	1813719310	Nguyễn Hữu Vinh	N18DLK5	7	6			6.0	8.0	7.3	Bảy phần Ba	
37	1812719320	Nguyễn Thị Kiều Vy	N18DLK5	0	0			0.0	0.0	0.0	Không	Cấm thi, HP
38	1812719321	Trần Thị Hiền Vy	N18DLK5	4	7			7.0	6.0	6.1	Sáu phần Một	
1	0090	Mai Phước Vũ	K17TC-XD1	7	6			6.0	8.0	7.3	Bảy phần Ba	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	22	56%	
2	Số sinh viên nợ	17	44%	
TỔNG CỘNG :		39	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 10 năm 2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân